

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HSST

Ngày: 30 - 11 - 2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.

2. Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền G tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhớ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q- sinh năm 1986 tại Đồng Tháp; tên gọi khác: Nguyễn Minh T; Nơi cư trú: ấp BH, xã BT, huyện CL, tỉnh ĐT; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1957 và bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1958; Bị cáo không có vợ và có 01 con sinh năm 2008; Tiền án: không.

Tiền sự: một lần vào ngày 07/02/2006 bị Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đưa vào Cơ sở giáo dục Bền Giá thời gian 12 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng. Bị cáo chấp hành xong vào ngày 14/02/2007.

Nhân thân:

+ Ngày 03/02/1999 bị Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đưa vào Trường Giáo Dưỡng tại xã Xuân An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, thời gian 12 tháng về hành vi Trộm cắp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong vào ngày 06/01/2000.

+ Ngày 28/11/2003 bị Tòa án nhân dân huyện Dầu T, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 tháng tù giam về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và trách nhiệm dân sự.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/3/2018. Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Đắk P'Lao, tỉnh Đắk Nông theo bản án hình sự sơ thẩm số 56/2018/HSST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh **Văn Thành Nh**, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp BH, xã BT, huyện CL, tỉnh ĐT.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
Chị **Lê Thị S**, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp 2B, xã XB, huyện XL, tỉnh ĐN.

- *Người làm chứng:* Anh **Nguyễn Trường G**, sinh năm 1987 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp BH, xã BT, huyện CL, tỉnh ĐT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Q và anh Văn Thành Nh, Nguyễn Trường G, cả ba là người cùng địa phương, có cùng hộ khẩu thường trú tại ấp BH, xã BT, huyện CL, tỉnh ĐT nên quen biết nhau. Vào khoảng đầu tháng 4 năm 2007 bị cáo Nguyễn Văn Q đến làm thuê tại cây xăng Nam Mỹ tọa lạc tại ấp 5, xã PA, huyện CL, tỉnh TG do anh Lê Đình Xuân N làm chủ. Bị cáo Q biết được anh Nh và G đến Thành phố Hồ Chí Minh tìm việc làm, nên ngày 06/4/2007 Q điện thoại cho anh Nh và G hẹn gặp nhau tại khu vực Cầu Thị Nghè, Thành phố Hồ Chí Minh và rủ về Tiền Giang cùng làm thuê tại cây xăng Nam Mỹ, anh Nh và G đồng ý. Anh Nh điều khiển xe mô tô biển số 66L-8435 của mình chở Q, G thuê xe honda ôm cùng đi theo.

Khoảng 22 giờ ngày 06/4/2007 Nguyễn Văn Q cùng với Văn Thành Nh, Nguyễn Trường G đến cây xăng Nam Mỹ thuộc ấp 5, xã PA, huyện CL, tỉnh TG, tại đây bị cáo Q nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh Nh nên kêu Nh đi tắt. Trong lúc anh Nh đang ở trong phòng tắm, Q nói dối mượn xe mô tô biển số 66L-8435 để đi mua đồ ăn, anh Nh tưởng thật nên đưa chìa khóa xe cho Q. Lấy được chìa khóa xe Q điều khiển xe mô tô chạy đi. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô của anh Nh, Q đưa cho chị Lê Thị S - sinh năm 1980, ngụ ấp 2B, xã XB, huyện

XL, tỉnh ĐN mượn làm phương tiện đi làm công nhân. Đến ngày 04/6/2007 công an huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương phát hiện và thu giữ xe mô tô biển số 66L1-8435 do vi phạm trật tự an toàn giao thông. Biết được thông tin này Q bỏ trốn cho đến ngày bị bắt theo quyết định truy nã của Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước về hành vi trộm cắp tài sản.

Vật chứng thu giữ gồm: Một xe mô tô nhãn hiệu SWEAR biển số 66L1-8435 số máy 6X100684, số khung 61000684, đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy trao trả lại cho bị hại Văn Thành Nh và bị hại cũng không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Tại biên bản định giá tài sản số 34/BB-ĐGTS ngày 04/9/2007 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cai Lậy, xác định: xe mô tô nhãn hiệu SWEAR biển số 66L1-8435 có giá trị 9.000.000 đồng.

Do thời điểm phạm tội bị cáo Q bỏ trốn, chưa bắt được nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy đã ra quyết định truy nã, Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án và tạm đình chỉ điều tra đối với bị can Q. Sau khi bị bắt ngày 27/3/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hớn Quản thông báo cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy biết và ngày 11/7/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy đã ra Quyết định đình chỉ, Quyết định phục hồi điều tra vụ án và Quyết định phục hồi điều tra bị can đối với Nguyễn Văn Q.

Tại Bản cáo trạng số 43/CT-VKSHCL ngày 17 tháng 10 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn Q đã khai nhận hành vi bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy đã truy tố đối với bị cáo.

Quá trình điều tra bị hại là anh Văn Thành Nh trình bày: tài sản bị lừa mất là chiếc xe mô tô nhãn hiệu SWEAR biển số 66L1-8435 số máy 6X100684, số khung 61000684. Về trách nhiệm hình sự anh Nh yêu cầu giải quyết theo qui định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự do chiếc xe anh đã nhận lại được nên không yêu cầu gì thêm. Tại phiên tòa hôm nay, anh Nh đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị S, trong quá trình điều tra trình bày: chiếc xe mô tô biển số 66L1-8435 do người bạn tên T (không rõ họ tên chỉ biết là quê ở Đồng Tháp) cho chị mượn để sử dụng vào ngày 03/6/2007 đến ngày 04/6/2007 thì bị Công an thị trấn Dĩ An lập biên bản tạm giữ chiếc xe mô

tô biển số 66L1-8435, xe này chị không rõ nguồn gốc ở đâu mà T có. Và từ ngày 04/6/2007 đến nay chị không có gặp T và cũng không biết T ở đâu. Tại phiên tòa hôm nay, chị Sen đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Quá trình điều tra, nhân chứng là anh Nguyễn Trường G trình bày: anh với Văn Thành Nh và bị cáo Nguyễn Văn Q là người cùng xã nên quen biết nhau. Vào ngày 02/4/2007 anh và Nh cùng đi lên Thành phố Hồ Chí Minh để tìm việc làm. Đến ngày 06/4/2007 bị cáo Q điện thoại cho Nh và hẹn gặp nhau ở cầu Thị Nghè và rủ về Tiền Giang cùng làm thuê tại cây xăng Nam Mỹ. Anh và Nh tưởng thật nên đồng ý đi theo bị cáo Q về Tiền Giang. Q đi cùng xe với Nh, còn anh thuê xe honda ôm đi một mình. Khi đến cây xăng Nam Mỹ bị cáo Q kêu cả hai đi tắm, anh không tắm, chỉ có anh Nh đi tắm. Khoảng 02 phút sau, không rõ Q nói gì với Nh, anh thấy Q có chìa khóa xe và mở công tắt chạy đi về hướng Cái Bè. Anh hoàn toàn không biết bị cáo Q có ý định chiếm đoạt xe của anh Nh. Tại phiên tòa hôm nay, anh G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Trong phần tranh luận Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 51; Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 12 tháng đến 18 tháng tù, tổng hợp hình phạt của Bản án số 56/2018/HSST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Buộc bị cáo Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án. Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm, nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, sự thừa nhận này còn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 06/4/2007 Nguyễn

Văn Q cùng với Văn Thành Nh, Nguyễn Trường G đến cây xăng Nam Mỹ thuộc ấp 5, xã PA, huyện CL, tỉnh TG. Bị cáo Q nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh Nh nên kêu Nh đi tắm. Trong lúc anh Nh đang ở trong phòng tắm Q nói dối mượn xe mô tô biển số 66L1-8435 để đi mua đồ ăn, anh Nh tưởng thật nên đưa chìa khóa xe cho Q. Lấy được chìa khóa xe Q điều khiển xe mô tô chạy đi. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt trị giá 9.000.000 đồng nên bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rất rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng nhiều lần bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đưa vào Cơ sở Giáo Dục và Trường Giáo Dưỡng, bị Tòa án đưa ra xét xử về các hành vi chiếm đoạt tài sản, mặc dù đã được xóa án tích, nhưng hành vi phạm tội lần này cho thấy bị cáo là người rất khó cải tạo, không có ý thức tự tu dưỡng bản thân mình trở thành người tốt. Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn và tiếp tục phạm tội mới tại địa phương khác. Điều đó thể hiện bị cáo là người rất coi thường pháp luật, vì vậy cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung. Do bị cáo đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn theo quyết định của Bản án số 56/2018/HSST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, nên cần tổng hợp hình phạt theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, nhận thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Văn Thành Nh đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: chiếc xe mô tô biển số 66L1-8435 đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy thu hồi và trao trả lại cho bị hại là anh Văn Thành Nh. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Đối với chị Lê Thị S là bạn của bị cáo Q, chị hoàn toàn không biết chiếc xe mô tô biển số 66L1-8435 mà bị cáo cho chị mượn là do phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị Sen là có cơ sở.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng được quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát phân tích tính chất mức độ phạm tội, đặc điểm nhân thân, tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là có cơ sở phù hợp với qui định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào các khoản 1 Điều 139, điểm p Khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 51, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q **01 (một) năm tù**, tổng hợp hình phạt với hình phạt 02 năm 02 tháng tù tại bản án số 56/2018/HSST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03(ba) năm 02(hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2018.

2. Về án phí:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;
- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

Trịnh Phan Minh Trâm